

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 609/2022/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 giữa:

***Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị CH, sinh năm 1979

Nơi cư trú: xóm H, xã HT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Trần Văn S, sinh năm 1978

Nơi cư trú: xóm H, xã HT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị CH và anh Trần Văn S

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị CH và anh Trần Văn S đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2) Về con chung: Trong quá trình chung sống chị CH, anh S xác định vợ chồng sinh được 02 con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 06/01/2002 (hiện đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết) và cháu Trần Văn H, sinh ngày 23/11/2005. Chị CH, anh S thống nhất thỏa thuận:

Chị Nguyễn Thị CH trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Văn Hoàng, sinh ngày 23/11/2005 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh S có quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị CH và anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3) Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4) Về án phí: Chị Nguyễn Thị CH tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000259 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN. Hoàn trả chị CH số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

THẨM PHÁN

*** Nơi nhận:**

- Dương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố TN;
- Chi cục THA dân sự TP. TN;
- UBND xã HT;
- Lưu: VP, HS.

Dương Thị Liên